



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**  
**NĂM 2018**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**  
**NĂM 2018**

---

## I – Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯƠNG ĐÌNH**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100939 (Đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2015. Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 07 năm 2016).
- Vốn điều lệ: 93.000.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ đồng) được chia thành 9.300.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:
  - + Cổ phần Nhà nước là 6.385.867 cổ phần, tương đương 63.858.670.000 đồng, chiếm 68,67% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là: 1.665.600 cổ phần, tương đương 16.656.000.000 đồng, chiếm 17,91% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 930.000 cổ phần, tương đương 9.300.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ.
  - + Cổ phần bán công khai là 318.533 cổ phần, tương đương 3.185.330.000 đồng, chiếm 3,42% vốn điều lệ.
- Địa chỉ: số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043 38541262; 043 8541263; 043 8541264.
- Số fax: 043 8582063.
- Website: <http://www.thuongdinhfootwear.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : GTD
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Giày Thương Đình là một doanh nghiệp Nhà nước có tiền thân là Công ty xí nghiệp X30 được thành lập tháng 1/1957, chịu sự quản lý của Cục quân nhu – Tổng cục hậu cần – Quân đội nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ sản xuất mũ cứng và giày vải cung cấp cho quân đội. Cho đến nay, lịch sử Công ty đã trải qua gần 60 năm, 60 năm là quãng thời gian gắn liền với lịch sử của đất nước, nhưng đối với lịch sử của một công ty là thời gian đủ để chứng minh Công ty đã trải qua bao khó khăn thử thách, thăng trầm để liên tục phát triển và khẳng định vị thế của mình. Kể từ khi ra đời đến nay, Công ty TNHH MTV Giày Thương Đình đã trải qua nhiều giai đoạn chính như sau:

- **Giai đoạn 1957 – 1960:** Phân xưởng giày vải đầu tiên được đưa vào sản xuất ngày 19/05/1959 trước sự cố gắng quyết tâm của cán bộ công nhân viên xí nghiệp. Năm 1960 đạt hơn 60 nghìn chiếc mũ, trên 20 nghìn đôi giày vải ngắn cổ.

---

---

- **Giai đoạn 1960 – 1972:** Năm 1961 xí nghiệp X30 được chuyển giao cho cục công nghiệp Hà Nội quản lý sau đó sát nhập xí nghiệp với một số cơ sở công ty hợp danh thành lập xí nghiệp giấy vải Hà Nội. Năm 1970 trong sản lượng 2 triệu đôi giày vải đã có 390.193 đôi giày Basket vượt biên xuất khẩu sang Liên Xô và Đông Âu cũ, với số lượng cán bộ công nhân viên lên đến gần 1000 người.

- **Giai đoạn 1973 – 1989:** Một số phân xưởng tách ra thành lập xí nghiệp theo yêu cầu phát triển của ngành giấy. Tháng 08 năm 1978 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình được thành lập trên cơ sở sát nhập xí nghiệp Giấy vải Hà Nội và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình cũ. Nhiệm vụ sản xuất trong thời kì này chủ yếu là sản xuất giày bảo hộ lao động phục vụ quốc phòng và xuất khẩu chủ yếu là giày Basket cho Liên Xô cũ và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Năm 1989 xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình tách thành hai xí nghiệp giấy vải Thụy Khê và xí nghiệp Giấy vải Thượng Đình.

- **Giai đoạn 1991 – 2011:**

- Tháng 07 năm 1992 Xí nghiệp chính thức thực hiện chương trình hợp tác xuất khẩu kinh doanh giấy vải xuất khẩu với công ty Kỳ Quốc – Đài Loan, tổng kinh phí đầu tư nhà xưởng, thiết bị sản phẩm là 1,2 triệu USD. Từ đây công suất đạt khoảng 5 triệu đôi/năm.

- Tháng 9 năm 1992 lô hàng đầu tiên của xí nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế được xuất sang thị trường Pháp và Đức. Ngày 08 tháng 07 năm 1993 được sự đồng ý của UBND thành phố Hà Nội, phạm vi chức năng của Xí nghiệp đã mở rộng, trực tiếp xuất khẩu và kinh doanh giấy-dép cũng như các nguyên liệu, máy móc, ngoài ra còn kinh doanh cả du lịch và dịch vụ chính vì vậy Xí nghiệp đổi tên thành “Công ty Giấy Thượng Đình” thông qua giấy phép thành lập Công ty 2753/QĐUB ngày 08 tháng 07 năm 1993 của UBND Thành phố Hà Nội, giấy phép đăng ký kinh doanh số 10842 cấp ngày 24 tháng 07 năm 1993 do trọng tài kinh tế thành phố Hà Nội, giấy phép kinh doanh xuất khẩu số 2051013 loại hình doanh nghiệp Nhà nước.

- Năm 1996 sản phẩm Công ty đã đạt giải TOPTEN, là một mặt hàng được người tiêu dùng ưa thích nhất do báo Đại đoàn kết đứng ra tổ chức.

- Đầu năm 1999 được cấp chứng chỉ ISO 9002 và 2000 của tổ chức QUAVERT (cơ quan chứng nhận của tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam) và tổ chức PSD Singapore (thành viên chính thức của tập đoàn chứng nhận quốc tế IQNET), ngoài ra Công ty còn nhiều giải thưởng khác nữa.

- Cuối năm 2002 Công ty đã lắp mới đồng bộ và đưa vào sử dụng 2 dây chuyền sản xuất giày thể thao nam với công suất hơn 2 triệu đôi giày/năm. Áp dụng công nghệ và trang bị của Hàn Quốc với sản phẩm mới này Công ty được đánh giá là một doanh nghiệp phát triển mạnh, năng động, sáng tạo thích nghi với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tháng 07/2004, công ty Giấy Thượng Đình thành lập thêm nhà máy Giấy Da xuất khẩu tại khu công nghiệp Đồng Văn – Hà Nam.

- Ngày 26/07/2005, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH NN MTV Giấy Thượng Đình, trực thuộc UBND thành phố Hà Nội theo quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội.

---

---

- Ngày 29/06/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/06/2011 của UBND thành phố Hà Nội.

- **2011 đến nay:**

- Ngày 24/02/2015, Công ty đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình. Công ty đã triển khai thực hiện thành công việc cổ phần hóa doanh nghiệp và chính thức hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình.

- Ngày 08/06/2015, Công ty tổ chức thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với tổng số cổ phần chào bán thành công là 1.903.200 cổ phần và giá đấu thành công bình quân là 48.177 đồng/cổ phần.

- Ngày 25/05/2016, Công ty tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập.

- Ngày 19/07/2016, Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100939, do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 93.000.000.000 đồng.

- Ngày 19/10/2016, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 7048/UBCK-GSDC của UBCKNN.

- Ngày 26/10/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 127/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 9.300.000 cổ phiếu.

## **2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh***

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Hiện nay, Công ty đang đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh, nhưng hoạt động của Công ty tập trung vào một số ngành nghề kinh doanh chính cụ thể như sau:

+ Sản xuất giày dép – Mã ngành 1520

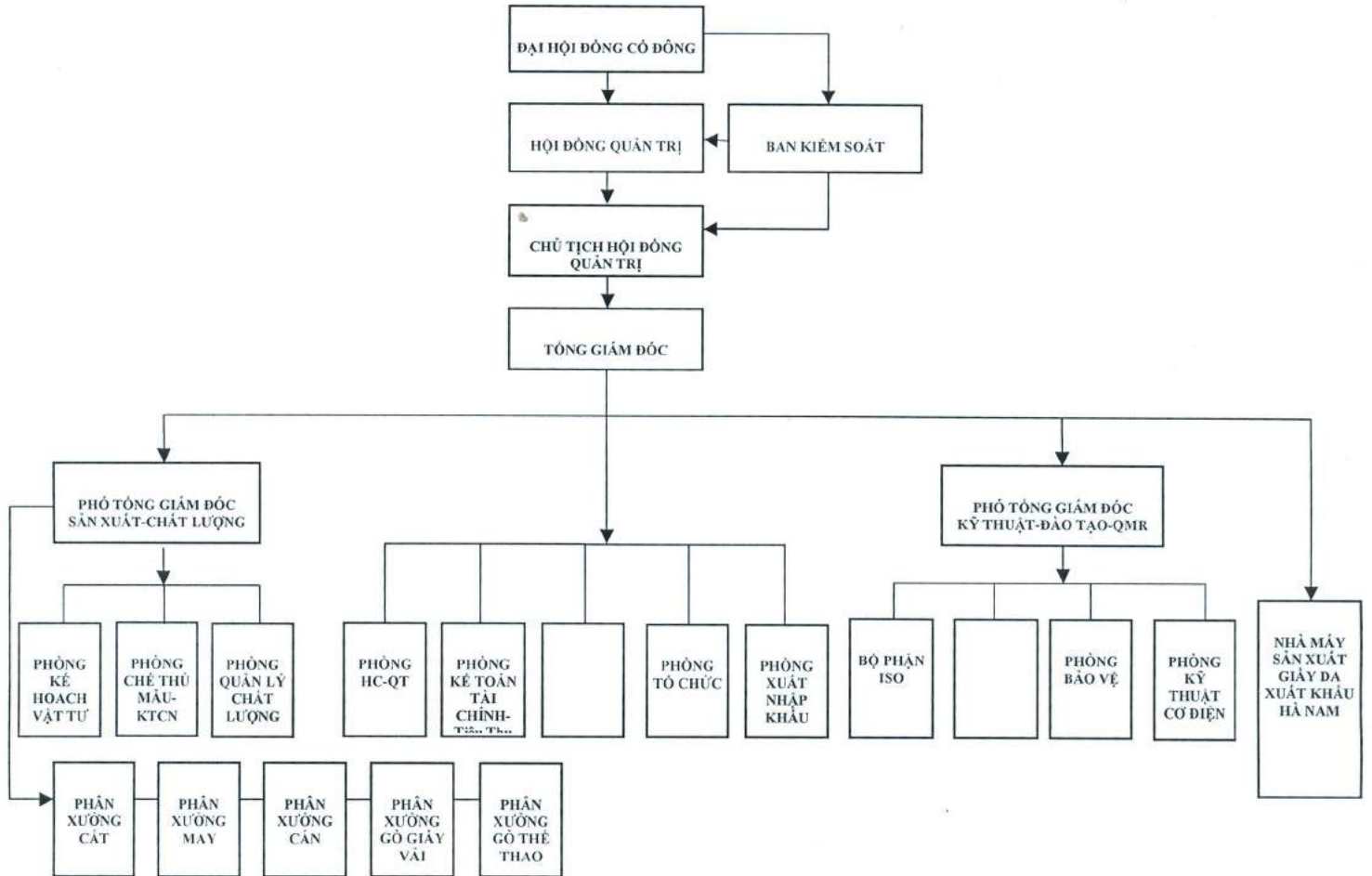
+ Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh – Mã ngành 8299

- **Địa bàn kinh doanh:**

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ Việt nam. Và chủ yếu xuất khẩu sang thị trường các nước EU, châu úc, và một số nước châu á như Nhật bản, Hàn quốc ...

### 3. Thông tin về mô hình quản tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hoạt động theo mô hình tổ chức Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Mô hình tổ chức của Công ty như sau:



#### b. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD)**

ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, ĐHĐCD có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty.
- Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.
- Thông qua báo cáo của HĐQT về tình hình kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá thực trạng công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về quản lý, điều hành Công ty của HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
- Quyết định đầu tư các dự án, các giao dịch bán tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới.
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát. Quyết định tổng mức thù lao hàng năm cho các chức danh đó và ngân sách hoạt động hàng năm cho Ban Kiểm soát.
- Xem xét và xử lý các vi phạm của HĐQT, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty (nếu có).
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty theo quy định của pháp luật.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác (Phó Tổng

---

---

Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, Kế toán trưởng); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

• **Ban Kiểm soát (BKS)**

Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 thành viên, nhiệm kỳ của BKS là 05 năm. BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của công ty.
- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.



---

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

• **Ban Tổng Giám đốc**

Cùng với Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc là người đại theo pháp luật của công ty, là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người trợ giúp cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Theo biên chế, Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình hiện tại gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

• **Bộ máy quản lý nghiệp vụ của Công ty được tổ chức thành các phòng:**

- Phòng Xuất nhập khẩu
- Phòng Kế hoạch vật tư
- Phòng Kế toán tài chính- Tiêu thụ
- Phòng Tổ chức.
- Phòng Hành chính
- Phòng bảo vệ
- Phòng Quản lý chất lượng (QC)
- Phòng Chế thử mẫu- Công nghệ
- Phòng Kỹ thuật cơ điện.

*Trong đó, các bộ phận sản xuất được chia thành các đơn vị:*

- Phân xưởng Cắt
- Phân xưởng May
- Phân xưởng Gò giấy vải
- Phân xưởng Gò thể thao
- Phân xưởng Cán.
- Nhà máy Hà Nam

c. **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có

**4. Định hướng phát triển:**

\* Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

---

- Tập trung phát triển ngành nghề cốt lõi là sản phẩm kinh doanh giấy dếp các loại, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, quản lý tốt chi phí sản xuất.

- Đảm bảo lợi ích của các cổ đông, người lao động và sự phát triển bền vững của công ty.

\* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tổ chức, cơ cấu lại sản xuất kinh doanh thu hẹp sản xuất, dừng sản xuất các sản phẩm tiêu thụ chậm và không hiệu quả. Tập trung vào các sản phẩm có thế mạnh và sức tiêu thụ tốt.

- Đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

\* Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty:

- Tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của công ty.

- Chia sẻ trách nhiệm vào việc chăm lo cho các hoàn cảnh khó khăn của cư dân địa phương nơi công ty cư trú bằng các hình thức đóng góp, tài trợ cho các hoạt động do chính quyền địa phương cơ quan cấp trên hoạt động.

- Chăm lo đời sống tinh thần, thực hiện tốt các chế độ phúc lợi cho người lao động trong công ty.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội tại công ty như: Đảng, công đoàn, đoàn thanh niên.

- Thực hiện các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng theo nguyên tắc thường xuyên, lâu dài và trực tiếp.

## **5. Các nhân tố rủi ro**

- Rủi ro về thị trường: Đơn hàng xuất khẩu giảm, thị trường trong nước bị cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong và ngoài nước.

- Thị trường lao động luôn biến động, không ổn định.

- Sự cạnh tranh về giá cả giữa các nước sản xuất giấy dếp trong bối cảnh khó khăn về kinh tế dẫn đến giá bán sản phẩm tiêu thụ giảm trong khi đó chi phí sản xuất gồm nguyên vật liệu, tiền lương và các chi phí khác tăng liên tục.

## **II – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động trong năm**

\* Năm 2018 là một năm sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn. Đơn hàng xuất khẩu không thuận lợi do thay đổi xu hướng tiêu dùng giấy dếp, chuyển từ dòng giấy vải lưu hóa sang dòng giấy thể thao gò dán, các đơn hàng xuất khẩu sang Châu Âu giảm. Khách hàng đòi hỏi về đánh giá nhà máy, trách nhiệm xã hội và đánh giá năng lực đáp ứng về các điều kiện kỹ thuật trong sản xuất. Đây là điểm yếu của Công ty hiện nay đã lâu không thay đổi và đầu tư máy móc thiết bị mới, công nghệ mới. Đơn hàng nội địa thì phải cạnh tranh các cơ sở sản xuất tư nhân

nhỏ, bán không hóa đơn, cạnh tranh giấy Trung Quốc, có hiện tượng làm giả cả giấy đá bóng và KK, xu hướng và thị hiếu tiêu dùng chuyển sang dòng giấy thể thao. Bên cạnh đó Công ty còn gặp khó khăn về tài chính như nợ khó đòi, lỗ tại Hà nam từ năm trước năm 2014, các khoản chi phí tăng cao đặc biệt là khấu hao và tiền thuê đất. Với những khó khăn trên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty cùng Ban tổng giám đốc cũng đã tìm mọi biện pháp để ổn định sản xuất, đảm bảo tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Đối với công tác thị trường và khách hàng: Đối với thị trường xuất khẩu đã bám sát các yêu cầu của thị trường và khách hàng. Triển khai thực hiện nhanh các yêu cầu như làm mẫu chào, mẫu đối, báo giá, các thông tin về XNK...Duy trì khách hàng truyền thống và phát triển thêm các khách hàng mới. Đối với thị trường nội địa tìm biện pháp có thêm khách hàng mới và thị trường mới, duy trì thị trường phía nam, kết hợp với công ty thương mại trong nước để sản xuất và bán các sản phẩm do công ty sản xuất.

Công tác tài chính: tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, mất cân đối thu chi, do vậy xử lý và giải quyết các vấn đề liên quan tài chính gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, tuy vậy cũng có nhiều cố gắng. Kết hợp các phòng ban chức năng để theo dõi vòng vốn xuất khẩu thông qua việc áp dụng linh hoạt các phương thức thanh toán đối với khách hàng, giảm chi phí lãi vay. Theo dõi công nợ, cân đối các khoản phải thu, phải trả các nhà cung ứng, tiền vay và lãi trả ngân hàng, thuê đất, bảo hiểm.

Công tác sản xuất chất lượng: Hàng tuần đã có tổ chức họp giao ban sản xuất để thống nhất kế hoạch sản xuất trong tuần, giải quyết các vướng mắc phát sinh về kỹ thuật, công nghệ. Đã bám sát các yêu cầu kế hoạch sản xuất và giao hàng của các đơn hàng xuất khẩu, các chủng loại giấy bán trong nước.

Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2018

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.282.555.775
Doanh thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.282.555.775
Giá vốn hàng bán	158.009.578.395
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.272.977.380
Doanh thu từ hoạt động tài chính	640.672.392
Chi phí tài chính	2.661.084.170
Chi phí bán hàng	3.193.954.719
Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.947.331.160
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-16.888.720.277
Thu nhập khác	190.653
Chi phí khác	110.477.179

Lợi nhuận khác	110.286.526
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-16.999.006.803
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-16.999.006.803
Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	-16.999.006.803

Ghi chú: Số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1 Tổ chức:

Danh sách ban điều hành:

#### a. Danh sách Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc
2	Bùi Tất Thắng	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng giám đốc
4	Trịnh Thị Thúy Mai	Kế toán trưởng

#### b. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

##### Tổng giám đốc:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN KHIÊM**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 05/10/1972
4. Nơi sinh: Bắc Ninh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số 4, Ngõ 191/43 Đường Lạc Long Quân, Tổ 9, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
7. CMTND: 012636037 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 17/10/2011.
8. SDT liên lạc: 0903428260
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không.
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1995 – 08/1999	Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình	Nhân viên
09/1999 – 12/2012	Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình	Phó phòng
1/2013 – 18/07/2016	Phòng XNK - Công ty Giấy Thượng Đình	Trưởng phòng
19/07/2016 - nay	Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình	Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 10.700 cổ phần tương ứng 0,12% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà Nội: 1.023.000 Cổ phần, tương ứng 11% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không

15. Các khoản nợ đối với công ty: không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

**Phó Tổng Giám đốc**

1. Họ và tên: **BÙI TẮT THẮNG**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/10/1969
4. Nơi sinh: Thái Bình
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Địa chỉ thường trú: Số nhà 27, Ngõ 43, Phố Kim Đồng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
7. CMTND: 012684657 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 16/03/2004.
8. SĐT liên lạc: 0913213023
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hà Nội.

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/1992 – 11/1996	Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình	Nhân viên
12/1996 – 12/1999	Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình	Phó phòng
01/2000 – 10/2006	Phòng sản xuất gia công – Công ty Giấy Thượng Đình	Trưởng phòng
11/2006 – 06/2008	Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình	Trưởng phòng
07/2008 – 18/07/2016	Phòng kế hoạch – Công ty Giấy Thượng Đình	Trợ lý giám đốc- Trưởng phòng
19/07/2016 - nay	Phòng kế hoạch – Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng, Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần tương ứng 0,024% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023 cổ phần, tương ứng 11% vốn điều lệ.
- Sở hữu người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): vợ là: Lưu Thị Hồng Diệp sở hữu 1.800 cổ phần, tương ứng 0,02 % vốn điều lệ. CMTND: 011902690 cấp ngày 15/04/2001 tại Công an Thành phố Hà nội.

15. Các khoản nợ đối với công ty: không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không

• **Phó tổng giám đốc**

1. Họ và tên: **NGUYỄN THẾ HUÂN**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 08/12/1960
4. Nơi sinh: Hà Nam
5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: số 4 – 89/3 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội.
7. CMTND: 012708005 Nơi cấp: Công an Thành phố Hà Nội  
Ngày cấp: 14/05/2004
8. SĐT liên lạc: 0904241342
9. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị.
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1985 – 10/1985	Xí nghiệp giấy nhựa Cao su Nam Định	Nhân viên
11/1985 – 06/1988	Xí giấy nhựa nghiệp Cao su Nam Định	Kỹ thuật PX
06/1988 – 09/1991	Xí giấy nhựa nghiệp Cao su Nam Định	Bí thư đoàn
11/1988 – 07/1995	Xí giấy nhựa nghiệp Cao su Nam Định	Quản đốc PX
08/1995 – 09/1995	Phòng kỹ thuật – Xí nghiệp Giấy Nhựa Cao su Nam Định	Nhân viên
09/1995 – 02/1997	Xí giấy nhựa nghiệp Cao su Nam Định	Nhân viên
03/1997 – 06/1999	Phòng kỹ thuật – Công ty Giấy Thượng Đình	Phó phòng
06/1999 – 03/2010	Phòng kỹ thuật – Công ty Giấy Thượng Đình	Trưởng phòng
04/2010 – 18/07/2016	Công ty Giấy Thượng Đình	Phó tổng giám đốc
19/07/2016 – nay	Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
- Sở hữu cá nhân: 2.900 cổ phần, tương ứng với 0.03% vốn điều lệ.
  - Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 1.023.000 cổ phần, tương ứng với 11% vốn điều lệ.
  - Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): không
15. Các khoản nợ đối với công ty: không.

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: không

17. Lợi ích liên quan đối với công ty: không.

• **Kế toán trưởng**

1. Họ và tên: Trịnh Thị Thúy Mai

2. Giới tính: Nữ

3. Ngày sinh: 27/08/1966

4. Nơi sinh: Quảng Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Địa chỉ thường trú: 513- Khu 1 TT Thành Công , Ba Đình, Hà nội

7. CMTND: 011245990Nơi cấp: Công an TP Hà nội

8. Ngày cấp: 23/03/2009.

9. Số điện thoại liên lạc : 0986350919

10. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

11. Chức vụ đang nắm giữ ở công ty: Kế toán trưởng

12. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cao su Hà nội.

13. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1993- 08/2008	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Nhân viên
09/2008 – 9/ 2009	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Phó phòng
10/2009 – 07/2014	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Phó phòng
08/2014 – 18/07/2016	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Quyền Trưởng phòng
19/07/2016 – nay	Phòng kế toán - Công ty Giày Thượng Đình	Kế toán trưởng

14. Hành vi vi phạm pháp luật: không

15. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)

- Sở hữu cá nhân: 2.100 Cổ phần, tương ứng 0,02 % vốn điều lệ.

- Sở hữu đại diện cho UBND Thành phố Hà nội: 247.867 cổ phần, tương 2.67% vốn điều lệ.

- Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): Không

16. Các khoản nợ đối với công ty: Không



17. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không

18. Lợi ích liên quan đối với công ty: Không

## 2.2 Nhân sự:

Tính đến 31/12/2018, tổng số lao động của công ty là: 603 người.

### *Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2018:*

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội như: ký hợp đồng lao động, thời giờ làm việc và nghỉ ngơi, nghỉ lễ phép, việc riêng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kỹ thuật lao động, chính sách đối với lao động nữ, an toàn bảo hộ lao động.

Ngoài ra, công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỉ niệm trong năm như quốc tế phụ nữ, quốc tế thiếu nhi, năm mới.

### *Các chế độ phúc lợi khác:*

- Thưởng các dịp lễ, tết, thưởng thành tích cuối năm;
- Tiền ăn giữa ca;
- Khám sức khỏe định kỳ,
- Bảo hộ lao động;
- Các khoản trợ cấp khác: trợ cấp khó khăn, chế độ nghỉ mát hàng năm.

## 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Không có.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

## 4. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	168.437.385.131	151.719.538.847	
Doanh thu thuần	197.856.421.060	174.282.555.775	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-16.286.707.938	-16.888.720.727	
Lợi nhuận khác	-793.993.918	-110.477.179	
Lợi nhuận trước thuế	-17.080.701.856	-16.999.006.803	
Lợi nhuận sau thuế	-17.080.701.856	-16.999.006.803	

<b>b. Các chỉ tiêu tài chính khác</b>			<i>Đơn vị: đồng</i>
Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Ghi chú
<b>1.Hệ số thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,946	0,867	
Nợ ngắn hạn	91.703.722.888	91.992.026.852	
Hệ số thanh toán nhanh	0,328	0,299	
Hàng tồn kho	56.656.904.960	52.238.571.429	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,544	0,606	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,195	1.540	
<b>3.Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay của hàng tồn kho		2,902	
- Giá vốn	170.612.571.491	158.009.578.395	
- Hàng tồn kho bình quân		54.447.738.195	
Vòng quay của tài sản		1,088	
- Doanh thu thuần	197.856.421.060	174.282.555.775	
- Tổng tài sản bình quân		160.078.461.989	
<b>4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời</b>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	-0,086	-0,097	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-0,183	-0,182	
- Vốn chủ sở hữu bình quân	93.000.000.000	93.000.000.000	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0,101	-0,112	
Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0,082	-0,096	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Họ và tên	Số CMT/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	<b>Cổ đông nhà nước: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội</b> Các đại diện sở hữu gồm:	<i>Theo Quyết định số 912/QĐ- UBND</i>	<i>Số 12 Lê Lai, Hoàn Kiếm, Hà Nội</i>	<b>6.385.867</b>	<b>68,67%</b>
	<i>Nguyễn Duy Tân</i>	<i>012983364</i>	<i>Số 93B, Tổ 4B, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội</i>	<i>2.697.000</i>	<i>29%</i>
	<i>Nguyễn Văn Khiêm</i>	<i>012636037</i>	<i>Số 4, ngõ 191/43, đường Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Nguyễn Thế Huân</i>	<i>012708005</i>	<i>Số 4, Ngách 89/3, Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Bùi Tất Thắng</i>	<i>012684657</i>	<i>Số 27, ngõ 43, Kim Đồng, Hoàng Mai, HN</i>	<i>1.023.000</i>	<i>11%</i>
	<i>Trịnh Thị Thủy Mai</i>	<i>011245990</i>	<i>P513, K1, Khu TT Thành Công, Hà Nội</i>	<i>247.867</i>	<i>2,67%</i>
	<i>Trần Thị Châu Giang</i>	<i>011688612</i>	<i>Tổ 8, Cụm 2, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội</i>	<i>372.000</i>	<i>4%</i>
2	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thái Bình</b>	<i>0304686687</i>	<i>Số 263 Phan Chu Trinh, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP HCM</i>	<b>930.000</b>	<b>10%</b>
3	<b>Nguyễn Văn Nam</b>	<i>011650891</i>	<i>48 Quốc Bảo, Văn Điễn, Thanh Trì, Hà nội</i>	<b>1.030.100</b>	<b>11,07%</b>
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.345.967</b>	<b>89,74%</b>

- **Danh sách cổ đông sáng lập:** Công ty không có cổ đông sáng lập

- **Cơ cấu cổ đông:**

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>133</b>	<b>9.300.000</b>	<b>100%</b>
	Tổ chức	2	7.315.867	78,67%
	Cá nhân	131	1.984.133	21,33%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Tổ chức	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>133</b>	<b>9.300.000</b>	<b>100%</b>

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

### 6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

1. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm.

- Vải các loại: 710.000 m

- Hóa chất:

- Kếp các loại: 183 tấn
- Các loại bột độn: 331 tấn
- Các loại hóa chất: 61 tấn
- Các loại keo, xử lý: 109,5 tấn
- Các loại dung môi: 63 tấn

- Chỉ may: 71.000.000m

- Vật tư bao bì:

- Giấy độn, bọc giấy: 20 tấn
- Túi nilon: 1.940.000 chiếc
- Thùng carton: 66.500 chiếc
- Dây giấy: 1.850.000 đôi

---

Tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty.

Công ty tận dụng phế liệu, phế phẩm sau khi cắt mũ giấy để thay giấy độn nhồi giấy nội địa thành phẩm nhằm tiết kiệm vật tư

Lượng rác thải: 160 tấn

Tỷ lệ tận dụng: 20%

## 6.2 Tiêu thụ năng lượng

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Tổng điện năng sử dụng: 1.872 triệu KW

Tổng lượng than sử dụng: 408.705 Tấn

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

## 6.3 Tiêu thụ điện nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: sử dụng nguồn nước máy phục vụ sinh hoạt và nồi hơi. Lượng sử dụng: 180m<sup>3</sup>/ ngày.

Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nước thải sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước của Công ty, một phần được tái sử dụng để làm mát máy móc trong quá trình Cán, phần còn lại thải ra cống ngầm Thành phố.

Lượng nước tái sử dụng: 30-40m<sup>3</sup>/ ngày (tương đương 16,7-22,2%)

## 6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Công ty đã tiến hành đo kiểm môi trường 2 lần, đo kiểm nước thải 4 lần. Kết quả quan trắc các thông số nằm trong tiêu chuẩn cho phép.

Công ty đã được UBND thành phố cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 270/GP - UBND ngày 25/05/2016.

Trong năm, Công ty không bị xử phạt về vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường.

## 6.5 Chính sách liên quan đến người lao động

*a.Số lượng người lao động:* 603 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động: 6.000.000 đồng / tháng.

*b.Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động*

- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách, BHYT, HBXH theo quy định đối với người lao động.

- Trang bị đủ BHLĐ cho người lao động

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ

- Tổ chức thăm quan, nghỉ dưỡng, bồi dưỡng độc hại cho người lao động.

- Sửa chữa, cải tạo nhà xưởng, cải thiện điều kiện làm việc (ánh sáng, hệ thống thông gió, hút mùi, làm trần chống nóng...). Tổng chi phí hơn 1.5 tỷ đồng.

### c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Trong năm đã tổ chức đào tạo các lớp sau

TT	Nội dung đào tạo	Số người đào tạo	Số giờ đào tạo
1	Học sinh mới tuyển dụng	9	13
2	Nhân viên thủ kho	1	1
3	Nhân viên quản lý tài liệu	11	1
4	Nhân viên QC	16	2
6	Định mức vật tư	5	30
7	Sử dụng bình bột và vận hành máy bơm nước	10	8
8	Đào tạo định kỳ về ATLĐ cho CBCNV	456	2
9	Đào tạo định kỳ về PCCN cho CBCNV	499	2
10	Đào tạo định kỳ về PCCC cho CBCNV	456	2

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không có.

### 6.6 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ Trường Sa: 10.000.000 đồng

- Tham gia đình thương binh, liệt sỹ dịp 27/7 và tết âm lịch: 3.000.000 đồng

- Ủng hộ Quỹ xã hội từ thiện của Công đoàn ngành Công thương: 7.000.000 đồng

- Ủng hộ các chương trình của Đoàn khối doanh nghiệp tổ chức (Chương trình học làm chiến sĩ của Đoàn thanh niên Công an thành phố Hà nội, chương trình hành động vì trẻ em trong tháng thiếu nhi...) ủng hộ bằng tiền và giấy trị giá: 8.000.000 đồng.

- Tham gia gia các hoạt động VHVN, TDTT do Quận, Khối, Thành phố tổ chức.

### 6.7 Hoạt động thị trường vốn xanh: Không có

## III. Báo cáo và đánh giá của ban giám đốc.

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

\* Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	2017	2018	So Sánh
doanh thu thuần	197.856.421.060	174.282.555.775	88%
Tổng lợi nhuận trước thuế	-17.080.701.856	-16.999.006.803	
Tổng lợi nhuận sau thuế	-17.080.701.856	-16.999.006.803	
Số lao động (người)	687	603	87%
Thu nhập bình quân/ đầu người/ tháng	5.800.000	6.500.000	112%

- Năm 2018 được ban Tổng Giám đốc đánh giá là năm gặp rất nhiều khó khăn do thị trường bị thu hẹp, đơn hàng xuất khẩu không thuận lợi, sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường nội địa. Các chi phí sản xuất tăng cao như chi phí tiền lương, thuê đất, BHXH, chi phí dịch vụ trong khi đó giá bán sản phẩm cả xuất khẩu và nội địa phần lớn đều giảm so với năm 2017. Chính vì vậy mặc dù Công ty đã áp dụng mọi biện pháp xong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 không đạt được như kỳ vọng, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 88% so với cùng kỳ và đạt 87% so với kế hoạch. Tuy nhiên Công ty đã nỗ lực cố gắng để đảm bảo đủ việc cho người lao động với thu nhập bình quân đạt 6.500.000 đồng/tháng/người tăng 112% so với cùng kỳ.

## 2. Tình hình tài chính

- Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

### 2.1. Khấu hao tài sản cố định:

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Máy móc thiết bị	7 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

### 2.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có khoản nợ nào quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

### 2.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
- Thuế GTGT	934.528.491	1.731.147.815
- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu		36.010.140
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế thu nhập cá nhân	35.557.545	4.284.845
- Tiền thuê đất	4.951.000.000	7.469.000.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4000.000	4000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.925.086.036</b>	<b>9.244.442.800</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 và năm 2018*

### 2.4. Tình hình công nợ hiện nay:

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại 31/12/2017, và 31/12/2018:



Đơn vị: đồng

Chi tiêu	31/12/2017		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	43.804.515.107	43.804.515.107	39.284.596.709	39.284.596.709
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*)	43.804.515.107	43.804.515.107	39.284.596.709	39.284.596.709
Đông Việt Nam	26.621.759.464	26.621.759.464	24.758.724.150	24.758.724.150
Vay ngoại tệ	17.182.755.643	17.182.755.643	14.525.872.559	14.525.872.559
+ Nguyên tệ (USD)	75.789.12	75.789.12	624.903.10	624.903.10
+ Quy đổi (đồng)	17.182.755.643	17.182.755.643	14.525.872.559	14.525.872.559
<b>Vay dài hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công (*)				
Vay ngoại tệ				
+ Nguyên tệ (USD)				
+ Quy đổi (đồng)				
<b>Tổng</b>	<b>43.804.515.107</b>	<b>43.804.515.107</b>	<b>39.284.596.709</b>	<b>39.284.596.709</b>

<b>2.5. Các khoản phải thu</b>		<i>Đơn vị: đồng</i>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2017</b>	<b>31/12/2018</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	28.826.604.216	31.367.599.365
Trả trước cho người bán	1.152.559.126	1.570.250.896
Phải thu khác	1.007.875.720	983.058.437
Dự phòng khoản phải thu khó đòi	-12.218.212.322	-12.218.212.322
<b>Tổng</b>	<b>18.768.826.740</b>	<b>21.702.696.376</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2017 và 2018.*

**Nợ xấu của Công ty cổ phần giày Thượng Đình tại thời điểm 31/12/2018:**

<b>Đối tượng công nợ</b>	<b>31/12/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Đối tượng nợ</b>
Đỗ Thị Hòa (*)		Phát sinh từ năm 2014
Nguyễn Khánh Toàn (*)		Phát sinh từ năm 2014
Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại (*)		Phát sinh từ năm 2014
Next PLC		Phát sinh từ năm 2013
<b>Tổng</b>		

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần giày Thượng Đình.*

(\*) Đây là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại do bà Hòa làm giám đốc). Tổng số dư tại ngày 31/12/2018 của các khoản công nợ này là 11.372.584.168 đồng.

**2.6 Các khoản nợ phải trả***Đơn vị: đồng*

STT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
	<b>Nợ ngắn hạn</b>		
1	Phải trả người bán	28.166.695.464	34.869.298.263
2	Người mua trả tiền trước	3.754.632.734	779.099.136
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	687.743.155	2.708.111.261
4	Phải trả người lao động	1.678.158.900	2.463.939.481
5	Phải trả ngắn hạn khác	13.514.925.652	11.838.200.126
6	Vay và nợ ngắn hạn	43.804.515.107	39.284.596.709
7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.781.876	8.781.876
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	88.000.000	40.000.000
	<b>Nợ dài hạn</b>		
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>91.703.452.888</b>	<b>91.992.026.852</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2017 và năm 2018*

**2.7 Các khoản đầu tư tài chính: Tại thời điểm 31/12/2018***Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>4.249.249.903</b>	<b>0</b>	<b>4.249.249.903</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4.249.249.903</b>	<b>0</b>	<b>4.249.249.903</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Thành Công	4.249.249.903	0	4.249.249.903
<b>Tổng</b>	<b>4.249.249.903</b>	<b>0</b>	<b>4.249.249.903</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018*

**3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

\* Về cơ cấu tổ chức: Sắp xếp lại một số bộ phận phòng ban và phân xưởng phù hợp với biến động lao động, tình hình đơn hàng.

---

\* Về chính sách: Chưa có cải tiến mới

\* Về công tác điều hành, quản lý: Chưa có cải tiến

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Tập trung nguồn lực phát triển thị trường mới, đa dạng mẫu mã sản phẩm với hàm lượng chất xám, giá trị kinh tế cao. Duy trì ổn định các khách hàng, thị trường, sản phẩm truyền thống. Tăng cường các biện pháp quản lý giám sát để giảm các chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ động nắm bắt các công nghệ mới trong lĩnh vực sản xuất giày dép... Xây dựng chiến lược phát triển ngành nghề là thế mạnh của Công ty, nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Công ty.

#### **5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình xin phép được giải trình những ý kiến ngoại trừ được nêu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 như sau:

Khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thực chất là số lượng khuôn, phom (công cụ dụng cụ) vẫn sử dụng được còn tồn tại tại các phân xưởng sản xuất với khối lượng rất lớn mà Công ty chưa tiến hành kiểm kê thực tế được nên chỉ ước giá trị còn lại.

Khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các đối tượng này Công ty đang tiến hành việc đôn đốc thu hồi công nợ.

Về vật tư tồn kho chậm luân chuyển Công ty đã họp bàn biện pháp và lập kế hoạch tận dụng vật tư tồn kho để sản xuất cho những đơn hàng năm 2019.

#### **6. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.**

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ đảm bảo chất lượng chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường, thành công luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn cụ thể.

- Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO: 9001:2008, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu khách hàng.

- Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đảm bảo độ đồng đều và ổn định.

- Tất cả các sản phẩm do công ty sản xuất trong môi trường làm việc phù hợp với các yêu cầu về trách nhiệm xã hội và điều kiện lao động của nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cùng với quá trình phát triển sản xuất, Công ty thực hiện các biện pháp giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng tới tác động xấu đến môi trường. Công ty luôn tuân thủ các yêu cầu luật định và các yêu cầu khác liên quan đến tác động của môi trường.

---

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty**

##### **1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, Công ty vẫn cố gắng tìm nhiều giải pháp ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. An ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp được đảm bảo. Điều kiện làm việc của người lao động luôn được cải thiện. Các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động. Ngoài ra Công ty còn tích cực tham gia hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương khi có điều kiện.

##### **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty**

Mặc dù công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác điều hành, xây dựng kế hoạch sản xuất linh hoạt, sắp xếp lao động phù hợp với điều kiện sản xuất hiện nay, thực hiện các giải pháp kiểm soát chặt chẽ các chi phí, sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, điện, nâng cao năng lực điều hành, vai trò chủ động của các phòng ban nghiệp vụ và các phân xưởng, nhưng trước những khó khăn gặp phải trong nhiều năm qua, sự cố gắng trên chưa mang lại kết quả như mong muốn, sản xuất kinh doanh vẫn chưa đạt được như kỳ vọng, có những chi phí chưa tiết giảm được nhiều. Đây là điều mà ban lãnh đạo cùng các đơn vị trong Công ty phải xem xét đánh giá, cần rút kinh nghiệm trong thời gian tới, đồng thời tìm ra các giải pháp hiệu quả nhất để thực hiện sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả tốt nhất như mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra và kỳ vọng của cổ đông, cán bộ công nhân viên trong Công ty cho năm 2018.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

Năm 2019 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục đối mặt với những khó khăn hơn năm 2018 khi mức đóng bảo hiểm sẽ tăng hơn, tiền thuê đất tăng gấp đôi, hạn mức vay sẽ giảm, nợ phải trả cao...trong khi xuất khẩu và nội địa giá bán giảm, chi phí cho một đôi tăng cao. Vì vậy để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cần phải:

- Tìm kiếm thêm khách hàng, cải tiến mẫu mã giấy nội địa
- Tập trung trong công tác thu hồi công nợ, chủ động trong việc kiểm soát dòng tiền, minh bạch tài chính, có kế hoạch ngân sách rõ ràng, giữ kỷ luật tài chính kinh doanh.
- Có biện pháp cụ thể để thắt chặt chi tiêu, giảm chi phí đặc biệt là chi phí về lao động hưởng lương thời gian.
- Cân đối nguồn lực để tiếp nhận đơn hàng và tổ chức sản xuất hiệu quả nhất.
- Kiên quyết trong công tác điều hành, chỉ đạo, củng cố lại kỷ cương, nội quy, quy định Công ty trong mọi lĩnh vực.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

STT	Ngày	Nội dung
1	18/05/2018	Thông qua: (1) Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, kế hoạch năm 2018 và các chỉ tiêu UBND TP giao về đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2018 của Công ty cổ phần Giấy Thượng Đình; (2) Báo cáo tài chính năm 2017; (3) Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017; (4) Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017; (5) Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017; (6) Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

### 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2020

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch	25/05/2016	04	100%	
2	Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	25/05/2016	04	100%	
3	Bùi Tất Thắng	Thành viên	25/05/2016	04	100%	
4	Nguyễn Bá Minh	Thành viên	25/05/2016	03	75%	Từ nhiệm TV HĐQT
5	Nguyễn Thế Huân	Thành viên	25/05/2016	04	100%	
6	Trần Thanh Tú	Thành viên	25/05/2016	01	25%	Đi công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp
7	Nguyễn Văn Nam	Thành viên	25/05/2016	01	25%	Đi công tác, có ủy quyền cho thành viên khác dự họp

### a. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với ban Giám đốc

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc. Kết thúc năm 2018, doanh thu và lợi nhuận không đạt yêu cầu đề ra, bên cạnh những khó khăn từ phía khách quan thì ban Tổng giám đốc Công ty cần phải bám sát tình hình thực tế và chủ động hơn trong điều hành để hoạt động SXKD có hiệu quả.

### b. Các quyết định của Hội đồng quản trị

- Quyết định về việc ban hành các quy định nhằm kiểm soát chặt chẽ các chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty như: quy định thanh toán chi phí, quản lý vật tư nhập khẩu, thủ tục nhập kho
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc có những phương án huy động vốn phù hợp, quản lý dòng tiền hiệu quả, thực hành tiết kiệm, kiểm soát tiêu hao nguyên vật liệu, kiểm tra giám sát các chi phí.
- Ban điều hành Công ty phải có các biện pháp cụ thể để kiểm soát chặt chẽ các chi phí để giảm giá thành sản phẩm đối với cả giấy xuất khẩu và nội địa
- Ban Tổng giám đốc phải khẩn trương cùng với các phòng ban tham mưu phải nỗ lực kiện toàn sắp xếp tổ chức bộ máy, có phương án và thời gian triển khai cụ thể để cắt giảm lao động gián tiếp 40% đến hết quý 2/2018 phải hoàn thành.
- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác thu hồi tiền hàng, thu hồi công nợ tạo sự điều tiết luân chuyển quay vòng vốn, hạn chế sự phụ thuộc vay vốn tín dụng.
- Trực tiếp và gián tiếp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các cuộc họp Ban lãnh đạo, giao ban sản xuất. Chỉ đạo ban Tổng Giám đốc bố trí, tổ chức sản xuất đáp ứng thời gian, chất lượng.

### 3. Ban kiểm soát

Thông tin về Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2020

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do
1	Trần Thị Châu Giang	Trưởng ban	25/05/2016	02	100%	
2	Bùi Việt Cường	Thành viên	25/05/2016	02	100%	
3	Lưu Thị Thanh	Thành viên	25/05/2016	02	100%	

---

---

**a. Hoạt động của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

- Ban kiểm soát đã tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2018 của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát đã kiểm tra phân tích các số liệu của Báo cáo tài chính, đánh giá các chỉ số và tình hình tài chính của Công ty.

**b. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

- Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin và tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.
- Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đóng góp ý kiến cho các hoạt động quản trị điều hành Công ty.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**Trích báo cáo kiểm toán số 185/Vaco/BCKT.NV2**

**1. Ý kiến kiểm toán:**

Chúng tôi đã báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần giấy Thượng Đình (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2019 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”)

**2. Trách nhiệm của ban Tổng Giám Đốc**

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**3. Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.



---

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### **4. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị của một số khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2018 với giá trị khoảng 3.9 tỷ đồng để đánh giá liệu có phải ghi nhận vào giá thành thành phẩm nhập kho trong năm hay không. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng chưa trích lập đầy đủ. Nếu thực hiện trích dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành thì trong báo cáo tài chính, khoản mục dự phòng phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên khoảng 1.07 tỷ đồng và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 1.07 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có một số vật tư, thành phẩm chậm luân chuyển, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

#### **5. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ.**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

---

**6. Vấn đề cần nhấn mạnh.**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 06- Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả về số dư khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động - Giấy dếp các loại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tài liệu đính kèm

Báo cáo tài chính 2018 đã được kiểm toán

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN DUY TÂN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

---

Tháng 03 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH**

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Thanh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Ủy viên
Ông Bùi Tất Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Bá Minh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/08/2018)
Ông Nguyễn Thế Huân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Nam	Ủy viên

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 19/07/2016
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/07/2016

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám Công ty độc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Số 277, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Khiêm**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Số: 185 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 27 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị của một số khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2018 với giá trị khoảng 3,9 tỷ đồng để đánh giá liệu có phải ghi nhận vào giá thành thành phẩm nhập kho trong năm hay không. Do đó, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng chưa trích lập đầy đủ. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành thì trong báo cáo tài chính, khoản mục dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ tăng lên khoảng 1,07 tỷ đồng và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 1,07 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có một số vật tư, thành phẩm chậm luân chuyển, Công ty chưa xem xét đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 06 - Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả về số dư khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giấy dếp các loại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Trần Tuấn Anh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3272-2015-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.789.783.255</b>	<b>86.817.843.960</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.208.092.280</b>	<b>2.161.415.677</b>
1. Tiền	111	4	1.208.092.280	2.161.415.677
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>4.249.249.903</b>	<b>7.188.591.667</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.249.249.903	7.188.591.667
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.702.696.376</b>	<b>18.768.826.740</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.367.599.365	28.826.604.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.570.250.896	1.152.559.126
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	983.058.437	1.007.875.720
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(12.218.212.322)	(12.218.212.322)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>52.238.571.429</b>	<b>56.656.904.960</b>
1. Hàng tồn kho	141		52.238.571.429	56.656.904.960
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>391.173.267</b>	<b>2.042.104.916</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	331.989	248.531.120
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		270.131.380	1.456.933.547
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	120.709.898	336.640.249
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>71.929.755.592</b>	<b>81.619.541.171</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>69.946.137.940</b>	<b>77.028.532.507</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	69.946.137.940	77.028.532.507
- Nguyên giá	222		179.690.521.247	179.611.021.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.744.383.307)	(102.582.488.740)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.983.617.652</b>	<b>4.591.008.664</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	1.983.617.652	4.591.008.664
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>151.719.538.847</b>	<b>168.437.385.131</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>91.992.026.852</b>	<b>91.703.722.888</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.992.026.852</b>	<b>91.703.722.888</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	34.869.298.263	28.166.965.464
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	779.099.136	3.754.632.734
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.708.111.261	687.743.155
4. Phải trả người lao động	314		2.463.939.481	1.678.158.900
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		40.000.000	88.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	11.838.200.126	13.514.925.652
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	39.284.596.709	43.804.515.107
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.781.876	8.781.876
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>59.727.511.995</b>	<b>76.733.662.243</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>59.727.511.995</b>	<b>76.733.662.243</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.000.000.000	93.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		93.000.000.000	93.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		357.141.706	357.141.706
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(33.629.629.711)	(16.623.479.463)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(16.630.622.908)	457.222.393
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>151.719.538.847</b>	<b>168.437.385.131</b>



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Trịnh Thị Thúy Mai*

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		174.282.555.775		202.619.737.509	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		4.763.316.449	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	174.282.555.775		197.856.421.060	
4. Giá vốn hàng bán	11	21	158.009.578.395		170.612.571.491	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.272.977.380		27.243.849.569	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	640.672.392		690.940.962	
7. Chi phí tài chính	22	24	2.661.084.170		2.178.834.516	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.216.984.028		1.892.875.237	
8. Chi phí bán hàng	25	25	3.193.954.719		3.314.662.390	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	27.947.331.160		38.728.001.563	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(16.888.720.277)		(16.286.707.938)	
11. Thu nhập khác	31		190.653		7.193.445	
12. Chi phí khác	32		110.477.179		801.187.363	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(110.286.526)		(793.993.918)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(16.999.006.803)		(17.080.701.856)	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-		-	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(16.999.006.803)		(17.080.701.856)	
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.827,85)		(1.836,63)	



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

*[Handwritten signature]*  
KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Trịnh Thị Thúy Mai*

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.161.894.567	8.028.758.973
- Các khoản dự phòng	03	-	9.718.212.322
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	230.133.982	8.623.900
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(374.942.267)	(330.103.945)
- Chi phí lãi vay	06	2.216.984.028	1.892.875.237
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(7.764.936.493)	2.237.664.631
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.597.656.765)	3.466.951.735
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.418.333.531	(10.175.431.720)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.800.085.172	(5.556.101.477)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.855.590.143	3.855.503.623
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.216.984.028)	(1.892.875.237)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.154.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>494.431.560</b>	<b>(9.218.288.445)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(79.500.000)	(107.832.727)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.249.249.903)	(7.188.591.667)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.188.591.667	9.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	374.942.267	434.651.945
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>3.234.784.031</b>	<b>2.138.227.551</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	111.723.187.286	154.529.817.057
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(116.405.549.890)	(148.321.553.595)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(4.682.362.604)</b>	<b>6.208.263.462</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>(953.147.013)</b>	<b>(871.797.432)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>2.161.415.677</b>	<b>3.033.684.732</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(176.384)	(471.623)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	<b>1.208.092.280</b>	<b>2.161.415.677</b>



**Nguyễn Văn Khiêm**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*Trịnh Thị Thúy Mai*

**Trịnh Thị Thúy Mai**  
Kế toán trưởng

*Trịnh Thị Thúy Mai*

**Trịnh Thị Thúy Mai**  
Người lập biểu

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/07/2005 của UBND thành phố Hà Nội. Tên cũ là Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Ngày 19/07/2016 chuyển đổi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước từ Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình theo Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/06/2016 của UBND thành phố Hà Nội. Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0100100939 ngày 01/09/2005 và thay đổi lần thứ 4 ngày 19/07/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 93.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại Hà Nội ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 835 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 835 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Sản xuất các loại giấy vải, giấy thể thao.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc của Công ty**

Công ty có 2 chi nhánh bao gồm:

- Nhà máy sản xuất giấy da xuất khẩu. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình tại Sầm Sơn - Thanh Hóa. Địa chỉ: Số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 12.202.243.597 đồng. Đồng thời số lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 33.629.629.711 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá được kế hoạch kinh doanh trong thời gian tới và việc Công ty có thể gia hạn được thời gian thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn. Do đó, Tổng Giám đốc cho rằng tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi và Báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Ghi nhận ban đầu***

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	08

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí làm nhà mấu và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm.

Chi phí trả trước là giá trị lợi thế kinh doanh được tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa gồm giá trị thương hiệu và tiềm năng phát triển được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

**Nợ phải trả**

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và các quỹ được trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và điều lệ Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	485.637.906	544.154.115
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	722.454.374	1.617.261.562
	<b>1.208.092.280</b>	<b>2.161.415.677</b>

#### **5. ĐÀU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng với giá trị tại ngày 31/12/2018 là 4.249.249.903 đồng (tại ngày 01/01/2018 là 7.188.591.667 đồng).

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Central Park	6.414.274.453	5.089.334.183
Melcosa	2.072.382.688	2.313.897.501
Công ty TNHH TM BHLĐ Giày dép các loại (i)	11.372.584.168	11.392.584.168
Nguyễn Đắc Quý - CN TP H.C.M	651.659.333	1.151.659.333
MANGO- Quanzhou Dayu Foreign Trade Ltd	1.848.695.200	-
Công ty TNHH Phong Châu	1.015.218.489	-
Công ty CP Thanh Bắc -Thái Bình Dương	3.946.545.390	3.016.346.987
Các đối tượng khác	4.046.239.644	5.862.782.044
	<b>31.367.599.365</b>	<b>28.826.604.216</b>

#### Ghi chú:

- (i) Trong số dư phải thu của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại có một số khoản trả hộ cho đối tượng khác, cụ thể như sau:

Theo văn bản thoả thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay Hộ kinh doanh Nguyễn Khánh Toàn trả nợ cho công ty với số tiền là 3.559.629.131 đồng.

Cũng theo văn bản thoả thuận ngày 14 tháng 03 năm 2017 giữa Hộ kinh doanh Đỗ Thị Hoà; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại và Công ty, Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại sẽ thay Hộ kinh doanh Đỗ Thị Hoà trả nợ cho công ty với số tiền là 6.042.076.599 đồng.

Theo công văn số 10/2018/CV-CT ngày 02/02/2018 của Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giày dép các loại đã xác nhận số tiền còn nợ là 11.392.584.168 đồng và cam kết trả nợ cho Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình, tuy nhiên trong năm 2018 Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động – Giày dép các loại chỉ thực hiện trả nợ số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số dư phải thu tại ngày 31/12/2018 của các khoản này là 11.372.584.168 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, nhưng vẫn đang đốc thúc để thu hồi khoản công nợ trên.

#### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Việt hà (i)	350.000.000	350.000.000
Tung tâm tư vấn kiến trúc & đầu tư xây dựng (i)	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần kiến trúc đô thị Việt Nam (i)	100.000.000	100.000.000
Các đối tượng khác	920.250.896	502.559.126
	<b>1.570.250.896</b>	<b>1.152.559.126</b>

Ghi chú: (i) Là các khoản ứng trước cho người bán liên quan đến dự án xây dựng nhà máy tại Hà Nam, tuy nhiên nhà máy đang tạm dừng. Sau khi hoàn thành thoái vốn Nhà nước tại Công ty thì Công ty sẽ xem xét việc triển khai tiếp hay dừng hẳn đối với dự án, sau đó Công ty sẽ có biện pháp xử lý các khoản ứng trước trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>983.058.437</b>	<b>-</b>	<b>1.007.875.720</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	34.860.000	-	2.540.000	-
Phải thu khác	948.198.437	-	1.005.335.720	-
<i>Phải thu theo BBKT Cục thuế Hà Nam (i)</i>	<i>814.013.308</i>	<i>-</i>	<i>814.013.308</i>	<i>-</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>134.185.129</i>	<i>-</i>	<i>191.322.412</i>	<i>-</i>

**Ghi chú:** (i) Là khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cục thuế tỉnh Hà Nam sau khi đã có phê duyệt chi phí cổ phần hóa và giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển Công ty TNHH MTV thành Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình.

**9. NỢ XẤU**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TM BHLĐ Giấy dếp các loại (i)	11.372.584.168	-	11.392.584.168	-
NEXT PLC	825.628.154	-	825.628.154	-
Đối tượng khác	20.000.000	-	-	-
	<b>12.218.212.322</b>	<b>-</b>	<b>12.218.212.322</b>	<b>-</b>

**Ghi chú:**

- (i) Như đã trình bày tại thuyết minh số 06, đây là các khoản phải thu do Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ Lao động Giấy dếp các loại đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.182.017.639	-	14.475.761.449	-
Công cụ, dụng cụ	229.651.643	-	395.941.381	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.175.506.656	-	11.470.115.640	-
Thành phẩm	29.651.395.491	-	30.315.086.490	-
	<b>52.238.571.429</b>	<b>-</b>	<b>56.656.904.960</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**II. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số dư đầu năm	146.616.886.477	29.379.849.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.611.021.247					
Tăng trong năm	-	79.500.000	-	-	-	79.500.000					
Số dư cuối năm	146.616.886.477	29.459.349.755	2.920.230.755	229.554.260	464.500.000	179.690.521.247					
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>											
Số dư đầu năm	77.893.023.386	22.517.269.292	1.532.990.659	214.441.765	424.763.638	102.582.488.740					
Khấu hao trong năm	4.069.523.757	2.753.109.395	310.124.316	15.112.495	14.024.604	7.161.894.567					
Số dư cuối năm	81.962.547.143	25.270.378.687	1.843.114.975	229.554.260	438.788.242	109.744.383.307					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
Số dư đầu năm	68.723.863.091	6.862.580.463	1.387.240.096	15.112.495	39.736.362	77.028.532.507					
Số dư cuối năm	64.654.339.334	4.188.971.068,00	1.077.115.780	-	25.711.758	69.946.137.940					

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 17.758.555.278 đồng. Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Văn phòng Công ty đã thế chấp nhà xưởng, máy móc với giá trị còn lại tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 27.063.572.329 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 28.901.336.998 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

11/1/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>331.989</b>	<b>248.531.120</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	331.989	248.531.120
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.983.617.652</b>	<b>4.591.008.664</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.482.015.330	3.229.516.690
Giá trị lợi thế kinh doanh	501.602.322	1.361.491.974

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Cuối năm</u>		<u>Đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH TMDV Dệt may Thanh Tùng	5.873.599.932	5.873.599.932	3.818.763.817	3.818.763.817
Công ty Lợi Thành	4.268.300.878	4.268.300.878	3.302.393.650	3.302.393.650
Vũ Thị Nga	1.845.389.835	1.845.389.835	1.939.389.835	1.939.389.835
Công ty TNHH NPL Da giấy Phương Nam	2.557.879.437	2.557.879.437	3.014.107.461	3.014.107.461
HTX CN Trường Sơn	1.776.312.550	1.776.312.550	1.372.752.520	1.372.752.520
Công ty CP Thiên Sơn	2.069.448.040	2.069.448.040	1.481.354.752	1.481.354.752
Đối tượng khác	16.478.367.591	16.478.367.591	13.238.203.429	13.238.203.429
	<b>34.869.298.263</b>	<b>34.869.298.263</b>	<b>28.166.965.464</b>	<b>28.166.965.464</b>

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>779.099.136</b>	<b>3.754.632.734</b>
Công ty CP Giấy Thái Thịnh	-	1.387.549.872
Nippon Steel and Sumikin bussan Corporation	413.144.782	2.306.394.314
Các đối tượng khác	365.954.354	60.688.548

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	60.830.220	833.752.616	823.790.409	70.792.427
Thuế thu nhập cá nhân	7.796.575	10.664.970	15.149.765	3.311.780
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	619.116.360	7.469.661.500	5.454.770.806	2.634.007.054
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>687.743.155</b>	<b>8.314.079.086</b>	<b>6.293.710.980</b>	<b>2.708.111.261</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	215.930.351	1.622.994.280	1.407.063.929	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	36.010.140	36.010.140	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.709.898	-	-	120.709.898
Các loại thuế khác	-	5.420.000	5.420.000	-
	<b>336.640.249</b>	<b>1.664.424.420</b>	<b>1.448.494.069</b>	<b>120.709.898</b>

**16. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.342.511.875	1.025.876.493
Bảo hiểm trích theo lương	384.867.204	317.696.878
Phải trả về cổ phần hóa	1.442.349	2.091.720.031
Phải trả khác	10.109.378.698	10.079.632.250
- Phải trả khoản nhận ứng trước hợp đồng (i)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả đối tượng khác	109.378.698	79.632.250
	<b>11.838.200.126</b>	<b>13.514.925.652</b>

Ghi chú: (i) Khoản nhận ứng trước của các công ty tham gia hợp tác đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - USD (i)	43.804.515.107	43.804.515.107	111.885.631.492	116.405.549.890	39.284.596.709	39.284.596.709
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VND (i)	17.182.755.643	17.182.755.643	40.343.458.624	43.000.341.708	14.525.872.559	14.525.872.559
	26.621.759.464	26.621.759.464	71.542.172.868	73.405.208.182	24.758.724.150	24.758.724.150

**Ghi chú:** (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/18/HM/51465 ngày 08/11/2018. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Đồng tiền cho vay mỗi khoản nợ là đồng Việt Nam và/hoặc đô la Mỹ. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 5 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Trường hợp bên vay được ưu đãi lãi suất và bị chuyển nợ nhóm 2, bên cho vay áp dụng lãi suất cho vay thông thường theo thông báo của bên cho vay cho toàn bộ thời gian giải ngân thực tế. Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay thông thường. Hình thức giải ngân vốn vay bằng chuyển khoản, tiền mặt. Lãi vay vốn trong hạn bằng dư nợ gốc thực tế nhân số ngày vay thực tế nhân lãi suất cho vay trong hạn chia cho 365 ngày. Biện pháp bảo đảm bằng tài sản thế chấp là toàn bộ sản gắn liền với đất được xây dựng tại Khu công nghiệp Đồng Văn, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; và một số máy thiết bị sản xuất của Công ty Cổ phần Giấy Thương Đình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	93.000.000.000	357.141.706	457.222.393	93.814.364.099
Lãi trong kỳ	-	-	(17.080.701.856)	(17.080.701.856)
Số dư tại ngày cuối năm trước	93.000.000.000	357.141.706	(16.623.479.463)	76.733.662.243
Lãi trong năm	-	-	(16.999.006.803)	(16.999.006.803)
Giảm khác	-	-	(7.143.445)	(7.143.445)
Số dư cuối năm nay	93.000.000.000	357.141.706	(33.629.629.711)	59.727.511.995

*Vốn điều lệ*

	Vốn đã góp		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND	
	%	%	
UBND thành phố Hà Nội	63.858.670.000	63.858.670.000	68,67%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thái Bình	9.300.000.000	9.300.000.000	10,00%
Các cổ đông khác	19.841.330.000	19.841.330.000	21,33%
<b>Cộng</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>100%</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

*Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.300.000	9.300.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.300.000	9.300.000
+ Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Ngoại tệ các loại*

	Cuối năm	Đầu năm
	USD	USD
Đô la Mỹ	1.471,29	43.386,29

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.282.555.775	202.619.737.509
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<i>Trong đó:</i>		
- Giảm giá hàng bán	-	4.763.316.449
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>174.282.555.775</b>	<b>197.856.421.060</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	158.009.578.395	170.612.571.491
	<b>158.009.578.395</b>	<b>170.612.571.491</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.264.853.616	101.510.163.320
Chi phí nhân công	64.240.356.431	68.319.341.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.161.894.567	8.028.758.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.165.140.311	31.336.436.232
Chi phí khác bằng tiền	8.610.808.307	5.498.662.253
Chi phí dự phòng	-	9.718.212.322
	<b>187.443.053.232</b>	<b>224.411.574.183</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	374.942.267	330.103.945
Chênh lệch tỷ giá	265.730.125	360.837.017
	<b>640.672.392</b>	<b>690.940.962</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá	444.100.142	285.959.279
Lãi vay	2.216.984.028	1.892.875.237
	<b>2.661.084.170</b>	<b>2.178.834.516</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí khuyến mại, quảng cáo	1.488.401.667	924.722.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.705.553.052	2.389.939.883
	<b>3.193.954.719</b>	<b>3.314.662.390</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	14.929.311.280	17.243.895.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.617.524.463	1.549.309.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.828.503.050	4.730.254.249
Chi phí khác bằng tiền	8.571.992.367	5.486.329.667
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	9.718.212.322
	<b>27.947.331.160</b>	<b>38.728.001.563</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	170.029.765	200.766.079
<i>Lỗi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải thu,</i>	59.552.586	-
<i>Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá tiền và khoản phải</i>	-	(10.347.367)
<i>thu</i>		
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	110.477.179	211.113.446
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Ngoài khoản chi phí không được trừ và thu nhập không chịu thuế nêu trên, Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt nào khác so với lợi nhuận kế toán. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(16.999.006.803)	(17.080.701.856)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	9.300.000	9.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.827,85)	(1.836,63)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTĐ ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 01/01/2036.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	39.284.596.709	43.804.515.107
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(1.208.092.280)	(2.161.415.677)
Nợ thuần	38.076.504.429	41.643.099.430
Vốn chủ sở hữu	59.727.511.995	76.733.662.243
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>63,8%</b>	<b>54,3%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

##### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.092.280	2.161.415.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.097.585.480	17.613.727.614
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.249.249.903	7.188.591.667
Các khoản ký quỹ	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.554.927.663</b>	<b>26.963.734.958</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	39.284.596.709	43.804.515.107
Phải trả người bán và phải trả khác	46.707.498.389	41.681.891.116
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.992.095.098</b>	<b>85.486.406.223</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

##### Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

##### Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

##### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.208.092.280	-	1.208.092.280
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.097.585.480	-	20.097.585.480
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.249.249.903	-	4.249.249.903
Các khoản ký quỹ	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.554.927.663</b>	<b>-</b>	<b>25.554.927.663</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Các khoản vay	39.284.596.709	-	39.284.596.709
Phải trả người bán và phải trả khác	46.707.498.389	-	46.707.498.389
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.992.095.098</b>	<b>-</b>	<b>85.992.095.098</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(60.437.167.435)</b>	<b>-</b>	<b>(60.437.167.435)</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.161.415.677	-	2.161.415.677
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.613.727.614	-	17.613.727.614
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.188.591.667	-	7.188.591.667
Các khoản ký quỹ	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.963.734.958</b>	<b>-</b>	<b>26.963.734.958</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	43.804.515.107	-	43.804.515.107
Phải trả người bán và phải trả khác	41.681.891.116	-	41.681.891.116
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.486.406.223</b>	<b>-</b>	<b>85.486.406.223</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(58.522.671.265)</b>	<b>-</b>	<b>(58.522.671.265)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch sau với bên liên quan.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.110.113.000	1.491.950.500

**31. TRỢ CẤP THÔI VIỆC CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Theo quy định hiện hành, trợ cấp thôi việc cho người lao động được xác định mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty chưa trích trước trợ cấp thôi việc cho người lao động. Ban Giám đốc Công ty đã nhận biết được vấn đề này và xác định sẽ hạch toán chi phí trợ cấp thôi việc ở thời điểm thực tế có người lao động thôi việc.

**32. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Công ty đang thuê đất trả tiền hàng năm tại các địa điểm như sau:

- Thuê đất tại số 277 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 413/24599/ĐC-NQ-HĐTĐ ngày 29/10/1999 với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 01/01/2016. Hiện tại, Công ty đang làm các thủ tục để gia hạn hợp đồng thuê đất.
- Thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Hà Nam cấp ngày 17/08/2011 cho Công ty TNHH Nhà nước MTV Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 12/10/2054.
- Thuê đất tại phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 27/12/2016 cho Công ty Cổ phần Giấy Thượng Đình. Thời gian thuê đến ngày 01/01/2036.



Nguyễn Văn Khiêm  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
*Trịnh Thị Thúy Mai*

Trịnh Thị Thúy Mai  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Thúy Mai  
Người lập biểu